

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/DS-ST

Ngày: 29-9-2023

V/v “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Hiệp;

2. Bà Trần Thị Quế Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2022/TLST-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2023/QĐXXST-DS ngày 29/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1981 (có mặt);

Cư trú: Ấp Đ, xã V, huyện T, An Giang.

2. Bị đơn:

Anh Dương Thành N, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp Đ, xã V, C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai ngày 20/6/2022 và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:*

Do anh Dương Thành N cần vốn làm ăn nên có vay của anh L số tiền tổng cộng là 300.000.000 đồng. Việc vay nhận tiền chia làm hai lần:

- Lần thứ nhất: Ngày 21/6/2020 vay số tiền 100.000.000 đồng;

- Lần thứ hai: Ngày 23/8/2020 vay tiếp số tiền 200.000.000 đồng;

Các lần vay đều có làm biên nhận, trong các biên nhận không ghi lãi suất nhưng thỏa thuận bên ngoài lãi suất là 0,5%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng đến 01 năm sẽ hoàn trả vốn. Quá trình vay cho đến nay, anh N không đóng cho anh L khoản tiền lãi nào. Anh L có đến đòi tiền nhiều lần, anh N hứa đi làm ăn gửi tiền về trả dần, nhưng đến nay anh N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay anh L yêu cầu bị đơn anh Dương Thành N phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn anh Dương Thành N: Mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh N vẫn vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn phải trả cho anh số tiền 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn: đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án:

Bị đơn đã vay của nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng theo hai biên nhận nợ đề ngày 21/6/2020 và ngày 23/8/2020, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh N có trách nhiệm trả cho anh L số tiền 300.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn L yêu cầu anh Dương Thành N có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng, anh N có nơi cư trú tại ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự - vay

tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Dương Thành N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[3] Về nội dung:

Tại hai biên nhận vay tiền đề ngày 21/6/2020 và 23/8/2020 thể hiện bị đơn anh N có vay của anh L tổng số tiền là 300.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là 06 tháng đến 01 năm. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn với bị đơn có xác lập hợp đồng vay tài sản, với tổng số tiền vay là 300.000.000 đồng. Xét hình thức và nội dung của Biên nhận vay tiền xuất phát từ sự tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ theo luật định. Theo thỏa thuận, bị đơn anh N phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh L số tiền nêu trên, anh L không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đều vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, nhưng không tiến hành lấy lời khai được do bị đơn vắng mặt tại nhà vào thời điểm Tòa án đến. Tại Phiếu xác định hộ khẩu, nhân khẩu ngày 12/12/2022 thể hiện bị đơn vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ nêu trên, nhưng đã bỏ địa phương từ năm 2020 đến tạm trú tại số C, tổ A, khu phố H, phường L, Tp ., tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thì bị đơn Dương Thành N không đăng ký thường trú hay tạm trú và thực tế cũng không sinh sống tại địa chỉ nêu trên. Trong trường hợp này, bị đơn đã cố tình giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xem xét giải quyết theo thủ tục chung.

Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử xem xét các chứng cứ theo quy định.

Xét thấy, việc vay mượn tiền giữa các bên thực tế có xảy ra. Hiện tại, bị đơn vẫn chưa thanh toán khoản tiền nào cho nguyên đơn. Do bị đơn anh N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền 300.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp quy định. Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Lẽ ra, khi chậm thanh toán số tiền đã vay thì có trách nhiệm trả lãi theo quy định pháp luật, tuy nhiên phía nguyên đơn không yêu cầu trả lãi đối với số tiền vay do chậm thực hiện nghĩa vụ. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn và phù hợp pháp luật nên không đề cập xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của anh L được chấp nhận nên anh không phải chịu án phí, bị đơn anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 179, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L.

Buộc anh Dương Thành N phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn L số tiền là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*).

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc anh Dương Thành N phải chịu 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí nên được hoàn lại 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0002626 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2023), đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND.Châu Thành;
- Chi cục THADS.Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Các đương sự (đề thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hà Thị Mỹ Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Mỹ Linh

